

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 114/2009/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại tờ trình số 36/TTTr-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của địa phương; trên cơ sở đó sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực vào phát triển kinh tế - xã hội, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu hẹp khoảng cách với các tỉnh trong vùng và cả nước. Từ đó xây dựng Thanh Hóa sớm trở thành một trong những trung tâm giao lưu kinh tế giữa Bắc Bộ với Bắc Trung Bộ và là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa – xã hội mạnh của cả nước.
2. Nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế với cơ cấu hợp lý; xây dựng nền kinh tế có sức cạnh tranh cao, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ và du lịch chất lượng cao; phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa an toàn và bền vững.
3. Tập trung các nguồn lực đầu tư để xây dựng các khu kinh tế động lực và nhóm sản phẩm chủ lực; ưu tiên đầu tư phát triển nhanh Khu Kinh tế Nghi Sơn, tạo bước đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
4. Từng bước điều chỉnh tạo sự phát triển hài hòa, hợp lý giữa các vùng trong Tỉnh; phát triển mạnh kinh tế biển và vùng ven biển; tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của Nhà nước và các thành phần kinh tế vào đầu tư phát triển vùng trung du miền núi phía Tây để sớm thoát khỏi tình trạng kém phát triển.
5. Kết hợp phát triển kinh tế với từng bước thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa nhất là các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, môi trường...; bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh; chú trọng công tác xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, ổn định xã hội, tăng cường mối đoàn kết giữa các dân tộc trong Tỉnh.
6. Coi phát triển khoa học – công nghệ là khâu then chốt trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.
7. Kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biên giới, hải đảo; duy trì quan hệ hữu nghị với các tỉnh láng giềng khu vực biên giới Việt Nam – Lào, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả và bền vững; tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phấn đấu đến năm 2015, Thanh Hóa thuộc nhóm tỉnh trung bình của cả nước, đến năm 2020 Thanh Hóa cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp có cơ cấu kinh tế hợp lý, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được phát triển đồng bộ, hiện đại; đồng thời là một trong những trung tâm kinh tế, giáo dục – đào tạo, y tế, thể dục – thể thao, khoa học – kỹ thuật của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước, an ninh chính trị ổn định, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2011 – 2015 đạt 17 – 18% và đạt trên 19% giai đoạn 2016 – 2020. Đến năm 2015, GDP bình quân đầu người đạt mức trung bình cả nước và vượt mức trung bình cả nước sau năm 2015;

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đến năm 2015 cơ cấu kinh tế: nông nghiệp – công nghiệp, xây dựng – dịch vụ là 15,5% - 47,6% - 36,8% và năm 2020 là 10,1% - 51,9% - 38%;

- Phân đầu kim ngạch xuất khẩu năm 2015 đạt 800 – 850 triệu USD và năm 2020 đạt trên 2 tỷ USD; tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đạt 19 – 20%/năm;

- Phân đầu đạt tỷ lệ thu ngân sách chiếm khoảng 6 – 7% từ GDP vào năm 2015 và trên 7% vào năm 2020.

b) Mục tiêu xã hội

- Hạn chế tốc độ tăng dân số, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2015 dưới 0,65% và khoảng 0,5% năm 2020;

- Duy trì và củng cố vững chắc kết quả phổ cập trung học cơ sở, hoàn thành phổ cập trung học phổ thông trước năm 2020; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 45% năm 2015 và 55 – 60% năm 2020;

- Giải quyết việc làm cho khoảng 5 vạn lao động/năm. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 3%; tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn dưới 3,5% năm 2020;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn hiện nay) mỗi năm từ 3 – 5%;

- Hoàn thiện mạng lưới y tế từ tỉnh đến thôn, bản; phân đầu 85% số trạm xá xã có bác sĩ trước năm 2015; đến năm 2015 đạt 23 giường bệnh/1 vạn dân và 25 giường/1 vạn dân vào năm 2020; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống 18 – 20% năm 2015 và dưới 10% năm 2020;

- Đến năm 2015 toàn bộ đường tỉnh, đường huyện, đường đến trung tâm xã, cụm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 100% số hộ được dùng điện; 100% dân số được xem truyền hình.

c) Mục tiêu bảo vệ môi trường

- Nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 53 – 54% năm 2015 và trên 60% năm 2020. Bảo vệ môi trường nước ngầm, nước mặt, vùng biển và ven biển;

- Năm 2015 toàn bộ các đô thị có công trình thu gom, xử lý chất thải tập trung; 100% số cơ sở sản xuất mới xây dựng có công trình xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường hoặc áp dụng công nghệ sạch; số cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường đạt trên 80% năm 2015 và 90% năm 2020;

- Đến năm 2015, toàn bộ số hộ ở đô thị được cấp nước sạch và 90% số hộ ở nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đạt 100% năm 2020.

d) Mục tiêu quốc phòng an ninh

Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, hải đảo ổn định chính trị, kiềm chế sự gia tăng, tiến tới giảm dần các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Công nghiệp

- Phát triển nhanh, vững chắc những ngành công nghiệp có vai trò là nền tảng cho tăng trưởng nhanh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tỉnh. Kết hợp đồng bộ giữa phát triển công nghiệp với phát triển kết cấu hạ tầng, từng bước hình thành các khu, cụm công nghiệp; triển khai nhanh các dự án trong Khu Kinh tế Nghi Sơn và hình thành một số khu kinh tế động lực khác tạo các hạt nhân tăng trưởng cho nền kinh tế;

- Duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp – xây dựng đạt trên 21,5%/năm (trong đó giai đoạn 2011 – 2015 đạt 21,4%/năm và giai đoạn 2016 – 2020 đạt 21,6%/năm);

- Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng mạnh các ngành công nghiệp cơ bản, công nghiệp chế tác. Đến năm 2020 về cơ bản tỉnh Thanh Hóa có ngành công nghiệp phát triển vững chắc với cơ cấu hiện đại;

- Phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu sau:

+ Công nghiệp lọc hóa dầu: hoàn thành Khu liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn công suất giai đoạn I là 10 triệu tấn/năm đi vào hoạt động trước năm 2013, đồng thời đầu tư giai đoạn II với công suất 10 triệu tấn/năm; phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ khác như công nghiệp sản xuất polypropylen, sợi tổng hợp, chất dẻo, phân bón tổng hợp, chất tẩy rửa tổng hợp và các sản phẩm khác;

+ Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng dây chuyền 2 nhà máy xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Công Thanh; xây dựng nhà máy xi măng Thanh Sơn công suất 1,4 triệu tấn/năm, phân đầu đến năm 2015 nâng tổng công suất xi măng của Tỉnh lên 18 – 20 triệu tấn;

Xây dựng một số cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng trong Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp khác như: nhà máy bê tông asphan, bê tông tươi, bê tông đúc sẵn, sản xuất tấm lợp.

+ Công nghiệp điện: đến năm 2020 sản lượng điện thương phẩm đạt trên 20 tỷ KWh. Đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn, hình thành Trung tâm nhiệt điện lớn của vùng Bắc Trung Bộ. Sớm đưa nhà máy nhiệt điện giai đoạn I công suất 600 MW vào hoạt động; đầu tư giai đoạn II để nâng công suất lên 1.800 MW vào năm 2015.

Xây dựng các công trình: thủy điện Trung Sơn 260 MW, thủy điện Hồi Xuân 92 MW và một số công trình thủy điện vừa và nhỏ khác như: Bá Thước 1 và 2; Cẩm Thủy 1 và 2; Sông Lò; Sông Luông...

+ Công nghiệp cơ khí, chế tạo

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy luyện thép POMIDO công suất 650.000 tấn/năm, nhà máy thép Nghi Sơn công suất 750.000 tấn/năm. Thu hút thêm các dự án sản xuất thép tấm, thép định hình, thép cao cấp trong Khu Kinh tế Nghi Sơn với công suất khoảng 6 triệu tấn/năm, tham gia sản xuất thép phục vụ công nghiệp quốc phòng.

Phát triển công nghiệp cơ khí sửa chữa, chế tạo: lắp ráp thiết bị nặng, phương tiện vận tải, thiết bị nâng đỡ; sản xuất thiết bị cho công nghiệp vật liệu xây dựng và chế biến nông sản; thiết bị điện, điện lạnh, linh kiện điện tử, tin học, lắp ráp ô tô, sản xuất đầu máy, toa xe, thiết bị và phụ kiện đường sắt,...

Hoàn thành giai đoạn I nhà máy đóng tàu biển Nghi Sơn đủ năng lực đóng mới tàu 50.000 DWT vào năm 2010, đầu tư giai đoạn II để năm 2015 đóng mới tàu trên 50.000 DWT, sửa chữa tàu trên 100.000 DWT.

+ Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản: cải tạo, nâng cấp, phát huy tối đa năng lực sản xuất của các cơ sở hiện có; đồng thời xây dựng mới các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với việc xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung. Mở rộng công suất các nhà máy chế biến mủ cao su Như Xuân, Cẩm Thủy; nâng cấp nhà máy chế biến rau quả Như Thanh, xây dựng nhà máy chế biến rau quả Bỉm Sơn và một số địa phương có điều kiện như Hậu Lộc, Hoằng Hóa; nhà máy chế biến thực phẩm tại khu công nghiệp Thạch Quảng (Thạch Thành) và một số huyện đồng bằng ven biển;

Đổi mới công nghệ nâng cao chất lượng và năng lực sản xuất Nhà máy chế biến thủy sản Hoằng Trường, Lễ Môn và một số cơ sở chế biến hiện đại khác ở Lạch Bạng, Lạch Hới, Lạch Trường, Ghép gắn với các đô thị nghề cá; xây dựng nhà máy chế biến thức ăn gia súc ở các huyện chăn nuôi tập trung như Nông Cống, Triệu Sơn, Thiệu Hóa, Ngọc Lặc...

Xây dựng nhà máy giấy Châu Lộc công suất 6 vạn tấn giấy, 5 vạn tấn bột giấy/năm; đầu tư chế biến gỗ xuất khẩu từ ván nhân tạo công suất 5.000 tấn/năm, nhà máy ván dăm, ván sợi 15.000m³/năm, nhà máy ván nhân tạo từ tre luồng công suất 16.000m³/năm gắn với các vùng nguyên liệu tập trung.

+ Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp khác: công nghiệp khai khoáng, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, may mặc, bao bì, da giày, đồ dùng du lịch, thể thao. Từng bước phát triển một số ngành công nghệ cao. Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống như chiếu cói và các sản phẩm từ cói, thêu ren, dệt lụa, dệt thổ cẩm, mây tre đan, đồ mỹ nghệ, trang sức bằng đá.

- Phát triển các khu, cụm công nghiệp:

Tiếp tục đầu tư chiều sâu và mở rộng quy mô phát triển các khu công nghiệp hiện có; hình thành thêm một số khu công nghiệp khác tại thành phố Thanh Hóa, thị xã Bỉm Sơn và các huyện: Ngọc Lặc, Hậu Lộc, Quảng Xương, Hoằng Hóa, Như Xuân (Bãi Trành) Thạch Thành (Thạch Quảng). Đến năm 2015 đầu tư xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp đã hình thành, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư để nâng cao tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp trên địa bàn.

- Phát triển các cụm công nghiệp, cụm làng nghề quy mô nhỏ và vừa ở các huyện, thị trong Tỉnh. Phấn đấu đến 2020 tất cả các xã đồng bằng và khoảng 50% số xã miền núi có cụm làng nghề.

2. Dịch vụ

Phát triển nhanh và đa dạng các loại hình dịch vụ nhằm đưa dịch vụ trở thành ngành tạo ra nhiều việc làm và đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng dịch vụ bình quân thời kỳ 2011 – 2020 đạt 18,5%/năm; nâng tỷ trọng dịch vụ trong GDP lên 36,8% vào năm 2015 và trên 38% vào năm 2020. Giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ đạt 800 - 850 triệu USD năm 2015 và trên 2 tỷ USD năm 2020.

Phát triển các ngành dịch vụ chủ yếu:

- Thương mại: phát triển đồng bộ hệ thống thương mại, xây dựng Thanh Hóa thành một trong những điểm hội tụ hàng hóa chính của tuyến giao thông Bắc – Nam và tuyến lưu chuyển hàng hóa giữa vùng Tây Bắc và các tỉnh Bắc Lào gắn với cảng Nghi Sơn và các vùng miền núi trong cả nước;

Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại hiện đại tại thành phố Thanh Hóa, Khu Kinh tế Nghi Sơn gắn với Khu Phi thuế quan; xây dựng Khu Kinh tế cửa khẩu Na Mèo làm trung tâm giao thương hàng hóa giữa Thanh Hóa với Lào, nhất là các tỉnh Bắc Lào và vùng phụ cận; xây dựng một số trung tâm thương mại tại Bỉm Sơn, Ngọc Lặc và một số đô thị có sức lan tỏa rộng.

- Du lịch: phát triển nhanh và bền vững ngành du lịch để trở thành ngành kinh tế quan trọng và đóng góp lớn cho nền kinh tế. Tập trung phát triển một số khu, điểm du lịch trọng điểm, tạo ra những sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng cao; từng bước đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm du lịch lớn của cả nước và là một trọng điểm du lịch trong hệ thống du lịch quốc gia. Phấn đấu đến năm 2015 thu hút khoảng 3 triệu lượt khách/năm, trong đó đạt khoảng 30% khách quốc tế và 5 triệu lượt khách/năm với 40% khách quốc tế vào năm 2020;

Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng khu du lịch Sầm Sơn để sớm trở thành đô thị du lịch lớn. Đầu tư xây dựng các khu du lịch Hàm Rồng, thành Nhà Hồ, suối cá Cẩm Lương, Lam Kinh, Bến En, Nga Sơn, Hải Hòa, Hải Tiến. Triển khai xây dựng khu du lịch sinh thái hồ Cửa Đạt, khu du lịch sinh thái Nghi Sơn và một số khu du lịch khác sau năm 2010.

- Vận tải: phát triển đa dạng các loại hình vận tải, kết hợp phát triển vận tải đường bộ với đường sắt và đường thủy; khai thác thế mạnh cụm cảng nước sâu Nghi Sơn và hệ thống cảng sông để mở rộng vận tải biển và vận tải thủy nội địa. Phát triển các tuyến vận tải hành khách, kết hợp với phát triển du lịch; hình thành các tuyến vận tải đến các khu du lịch; tập trung phát triển vận tải hành khách tại thành phố Thanh Hóa, các thị xã và trung tâm kinh tế lớn của Tỉnh.

- Tài chính, ngân hàng: khuyến khích các ngân hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là các tổ chức tài chính lớn của khu vực và quốc tế mở chi nhánh hoặc văn phòng đại diện trên địa bàn Tỉnh; từng bước hình thành thị trường tài chính lớn đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng cao cho các thành phần kinh tế;
- Đẩy mạnh phát triển bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- Phát triển nhanh các loại hình dịch vụ khác như dịch vụ đào tạo, dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ...

3. Nông, lâm, thủy sản

- Phát triển toàn diện ngành nông nghiệp, tiến tới xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch hướng tới xuất khẩu, tăng nhanh giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích. Đồng thời, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, chủ động ứng phó có hiệu quả với thiên tai;
- Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản đạt 5%/năm thời kỳ 2011 – 2015 và 5,1% thời kỳ 2016 – 2020; giảm tỷ trọng nông, lâm, thủy sản trong GDP từ 31,6% năm 2005 xuống 15,5% năm 2015 và 10,1% vào năm 2020;
- Phát triển ổn định diện tích cây lương thực đến năm 2020 đạt từ 270 – 280 nghìn ha; trong đó, diện tích lúa khoảng 220 – 230 nghìn ha, ngô khoảng 50 – 60 nghìn ha; sản lượng lương thực năm 2020 đạt khoảng 1,7 triệu tấn, đảm bảo an ninh lương thực và có lượng lương thực hàng hóa lớn. Chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng, hình thành các vùng sản xuất tập trung, các sản phẩm chủ lực; nâng diện tích các loại cây có giá trị kinh tế cao từ khoảng 30% tổng diện tích gieo trồng năm 2010 lên trên 50% vào năm 2020;
- Phát triển các cây trồng khác: cây cao su đến năm 2015 đạt 25.000 ha; cây mía ổn định diện tích năm 2020 khoảng 26.000 – 28.000 ha; cây lạc 22.000 – 23.000 ha năm 2020; cây cói ổn định diện tích từ 3.000 – 3.500 ha gắn với công nghiệp chế biến.
- Phát triển mạnh chăn nuôi cả về quy mô và chất lượng đàn gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp lên 45% năm 2015 và trên 50% năm 2020;
- Phát triển lâm nghiệp theo hướng bảo vệ, phát triển và khai thác hợp lý tài nguyên rừng bảo đảm chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường; đồng thời, nâng cao mức đóng góp cho nền kinh tế; phấn đấu đến năm 2020 khoanh nuôi khoảng 250 – 300 nghìn ha, trồng mới hàng năm từ 10 – 13 nghìn ha, nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 53% - 54% năm 2015 và trên 60% năm 2020. Xây dựng các vùng rừng nguyên liệu như vùng luồng, nguyên liệu giấy, gỗ ... gắn với công nghiệp chế biến;
- Phát triển thủy sản một cách toàn diện cả đánh bắt và nuôi trồng theo hướng vừa nâng cao hiệu quả vừa đảm bảo môi trường sinh thái, tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho chế biến xuất khẩu. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản cả nước ngọt, nước lợ, nước mặn; đến năm 2015 diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 19.000 – 20.000 ha và trên 30.000 ha vào năm 2020. Kết hợp hài hòa giữa đầu tư tăng năng lực đánh bắt xa bờ với tổ chức khai thác hợp lý các khu vực gần bờ, nâng sản lượng khai thác lên 70 nghìn tấn năm 2015 và ổn định ở mức trên 90 nghìn tấn năm 2020.

Mở rộng các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản.

4. Các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục, đào tạo

Phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng chuẩn hóa, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, xây dựng xã hội học tập; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo nhằm huy động mọi nguồn lực vào phát triển giáo dục - đào tạo. Đến năm 2015, có 100% giáo viên ở các bậc học đều đạt chuẩn, trong đó 30 – 35% trên chuẩn. Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, hoàn thành việc kiên cố hóa trường, lớp học trên địa bàn Tỉnh trước năm 2015; đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn quốc gia, đến năm 2020 tỷ lệ trường đạt chuẩn ở mầm non 65%, tiểu học 65%, trung học cơ sở 65% và trung học phổ thông 50%.

Duy trì và củng cố thành quả phổ cập trung học cơ sở và triển khai phổ cập trung học phổ thông, phấn đấu hoàn thành phổ cập trung học phổ thông trước năm 2020.

Đa dạng hóa loại hình đào tạo nghề; chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nâng tỷ lệ lao động được đào tạo lên 45% năm 2015 và 60% năm 2020. Tiếp tục đầu tư xây dựng Trường Đại học Hồng Đức thành Trung tâm Đào tạo chất lượng cao. Xây dựng quy hoạch phát triển và mở rộng các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực, phù hợp với quy hoạch chung của cả nước.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Phát triển sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo hướng dự phòng tích cực và chủ động; đảm bảo mọi người dân đều được khám, chữa bệnh ban đầu và cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản.

Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ y tế từ tỉnh đến cơ sở nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình; đến năm 2015 đạt 85% số trạm y tế xã có bác sĩ và đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ giường bệnh đạt 23 giường/1 vạn dân và 25 giường/1 vạn dân năm 2020. Hoàn thành nâng cấp, hiện đại hóa Bệnh viện đa khoa Tỉnh, tăng cường trang thiết bị và mở rộng một số chuyên khoa sâu; hoàn thành xây dựng Bệnh viện nhi, Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc và một số bệnh viện tuyến huyện. Củng cố các bệnh viện chuyên khoa đạt tiêu chí bệnh viện hạng 2 trở lên.

Triển khai có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 20% năm 2015 và dưới 10% năm 2020; tỷ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi xuống dưới 15‰ năm 2020; giảm tỷ lệ sinh hàng năm 0,5‰ để giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 0,5% năm 2020.

c) Khoa học công nghệ

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ; lựa chọn chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường và phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế. Tập trung đầu tư xây dựng một số cơ sở khoa học và công nghệ mà Tỉnh có thế mạnh, khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học – công nghệ.

d) Phát thanh – truyền hình

Phát triển nhanh, rộng khắp mạng lưới truyền hình kỹ thuật số; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tiếp nhận thông tin từ vệ tinh VINASAT-1; mở rộng vùng phủ sóng đến các vùng xa xôi hẻo lánh, tăng cường phát thanh bằng tiếng dân tộc. Đến năm 2010, tỷ lệ phủ sóng phát thanh đạt 100%; tỷ lệ phủ sóng truyền hình đạt 100% trước năm 2015.

đ) Văn hóa, thể dục, thể thao.

Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thông tin và các phương tiện vui chơi giải trí, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân. Tiếp tục đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa trọng điểm. Hoàn thành dự án Lam Kinh, xây dựng di sản Thành Nhà Hồ, Tượng đài Bà Triệu ... nâng cấp, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa khác. Phấn đấu đến năm 2020 đạt 100% số làng, bản có nhà văn hóa, điểm vui chơi, hệ thống truyền thanh, tủ sách pháp luật.

Phát triển phong trào thể dục, thể thao trên cơ sở đẩy mạnh xã hội hóa. Đầu tư xây dựng Khu liên hiệp Thể thao Tỉnh và Trung tâm Đào tạo vận động viên Bắc Trung Bộ; các cơ sở luyện tập thể dục, thể thao ở các huyện; chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng các vận động viên năng khiếu để phát triển một số môn thể thao thành tích cao, phấn đấu đưa Thanh Hóa trở lại nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước về thể dục, thể thao.

e) Lao động, việc làm và xóa đói giảm nghèo:

Cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân; phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 3 – 5%. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội trên địa bàn. Hàng năm tạo việc làm mới cho khoảng 4 – 5 vạn lao động, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị và tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn; tập trung đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

- Đường bộ:

Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông đường bộ, bảo đảm tính liên hoàn, liên kết trong vùng và giữa các địa phương trong Tỉnh; kết nối với các trung tâm kinh tế trọng điểm đất nước; chú trọng mở các tuyến giao thông hướng nối với vùng Tây Bắc, vành đai Đông – Tây nối với Lào, Thái Lan, Mianma; tuyến đường ven biển với các vùng đồng bằng Bắc Bộ. Xây dựng hiện đại hệ thống giao thông các vùng trọng điểm: Khu Kinh tế Nghi Sơn, thành phố Thanh Hóa, thị xã Bỉm Sơn, Sầm Sơn ... xây dựng mới một số tuyến đường có vai trò quan trọng về phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh, quốc phòng, nhất là các tuyến đường nối với các trục chính như:

Quốc lộ 1A: nâng cấp Quốc lộ 1A thành đường cấp III đồng bằng. Xây dựng các nút giao cắt đường sắt và các đường ngang có lưu lượng giao thông lớn; đường gom dân sinh ở các khu công nghiệp.

Đường Hồ Chí Minh: triển khai giai đoạn II. Đầu tư xây dựng tuyến đường ngang nối đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 1A (Thạch Quảng – Bỉm Sơn) đạt tiêu chuẩn đường cấp III và các tuyến đường gom dân sinh dọc đường Hồ Chí Minh

Đường cao tốc Bắc – Nam đoạn qua Thanh Hóa dài khoảng 100 km.

Đường Nghi Sơn – Bãi Trành (dài 53 km) nối cảng Nghi Sơn với đường Hồ Chí Minh toàn tuyến đạt cấp III, đoạn trong Khu Kinh tế Nghi Sơn đạt cấp II.

Đường Yên Cát – Bến Sung – Chuồng – Tân Dân.

Các quốc lộ khác: nâng cấp Quốc lộ 47 đạt cấp III, Quốc lộ 10, 45, 15A, 217 đạt cấp IV. Kéo dài Quốc lộ 10 từ Bút Sơn nối vào Quốc lộ 1A (Bút Sơn – Đò Đại – Ngã ba Môi – Núi Chẹt); kéo dài Quốc lộ 45 sang Nghệ An nối với Quốc lộ 48 (theo đường Yên Cát – Thanh Quân), Quốc lộ 47 qua cửa khẩu Khẹ sang Lào (theo đường tỉnh lộ Thường Xuân – Bát Mọt) trước năm 2010. Tiến tới nâng cấp toàn bộ các Quốc lộ trên địa bàn đạt cấp III, một số đoạn quan trọng đạt cấp II. Kéo dài Quốc lộ 217 đến Quốc lộ 10; xây dựng Quốc lộ 217 thành đường Xuyên Á.

Hệ thống đường Tỉnh: giai đoạn 2011 – 2020 tiếp tục nâng cấp hệ thống đường Tỉnh đạt tiêu chuẩn cấp III, cấp IV ở vùng đồng bằng và cấp III, IV, V ở miền núi; các đoạn đi qua thị trấn đạt tiêu chuẩn cấp II, cấp III. Xây dựng nút giao thông khác tại các giao cắt có lưu lượng lớn. Nâng cấp một số tuyến quan trọng thành quốc lộ.

Hệ thống đường ngang gồm: đường Vạn Mai – Mường Lát dài 70 km; đường Lang Chánh – Yên Khương – Cửa Khẩu Mèng dài 44 km; đường Hồi Xuân – Tén Tàn – Mường Chanh (cửa khẩu Cang) dài 139 km; đoạn Thường Xuân – Bát Mọt – cửa khẩu Khẹ dài 60,3 km; đường Yên Cát – Thanh Quân – Bù Cầm dài 64 km; đường Mường Mìn – Na Mèo dài 21 km và đường Yên Nhân – cửa khẩu Kham dài 22 km; sau 2010 mở rộng một số đoạn quan trọng đạt cấp IV.

Đường đô thị (một số tuyến chính)